

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN HÀ SÀI GÒN**

Số: 04/2021/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính Tổng
hợp Quý 4/2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý 4.2020 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý 4/2020 .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2021 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 0.6./GTTHSH/CV
V/v "giải trình chênh lệch về
số liệu BCTC Tổng hợp Quý IV
năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

TP.HCM ngày 29 tháng 01 năm 2021



**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Tổng hợp Quý IV năm 2020, chúng tôi xin được giải trình một số các biến động so với báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2019 như sau:

Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng hợp Quý IV năm 2020 so với Quý IV năm 2019 :

- ➔ **Doanh thu thuần :** Doanh thu thuần giảm 6.1% tương đương 15.6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do quý 4 năm nay giá thị trường biến động liên tục nên đa số khách hàng không nhập hàng tồn kho nhiều.
- ➔ **Giá vốn:** Doanh thu thuần giảm dẫn đến giá vốn hàng bán giảm tương ứng 7% tương đương với 16.1 tỷ đồng. Tỷ lệ giảm của giá vốn cao hơn tỷ lệ giảm của doanh thu thuần là do giá bán hàng hóa, thành phẩm kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước.
- ➔ **Lợi nhuận gộp :** Với tỷ lệ giảm doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp tăng 1.8% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 514 triệu đồng.
- ➔ **Doanh thu hoạt động tài chính :** Tăng 4.2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái do công ty con Chu Lai chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ với số tiền 4 tỷ và tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 13.5% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 584 triệu đồng nguyên nhân do vay thanh toán cho một số nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí bán hàng:** Tăng 4% tương đương 566 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương nhân viên tăng.
- ➔ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 14.4% tương đương 633 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước do chi phí khấu hao và chi phí nhân viên quản lý tăng.

- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế** : Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ tăng 46.1% tương đương 2.9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- **Lợi nhuận khác** : Giảm 1 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do kỳ này lỗ từ thanh lý tài sản cố định.
- **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** : Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế Quý IV/2020 tăng so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 42.5% tương ứng 2.24 tỷ đồng.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu biến động trên báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2020 của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		582,929,384,373	480,468,872,912
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108,372,200,942	52,192,285,331
1. Tiền	111		108,372,200,942	52,192,285,331
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273,406,744,967	239,860,588,533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	269,116,444,347	236,206,553,768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46,320,207	3,611,908,157
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5,987,166,890	1,772,631,073
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,748,126,478)	(1,735,444,466)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
IV. Hàng tồn kho	140		197,364,495,897	186,842,805,041
1. Hàng tồn kho	141	V.6	197,364,495,897	186,842,805,041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,785,942,567	1,573,194,007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,813,433,911	1,347,898,765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,529,413,811	2,391,665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		443,094,845	222,903,577
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210,679,777,708	199,105,298,249
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		545,046,684	408,460,684
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	545,046,684	408,460,684
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100,823,858,755	93,188,856,340
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	59,814,140,643	52,290,648,149
<i>Nguyên giá</i>	222		112,069,705,147	99,098,387,511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(52,255,564,504)	(46,807,739,362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	4,490,750,032	3,310,476,190
<i>Nguyên giá</i>	225		5,254,881,818	3,520,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(764,131,786)	(209,523,810)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	36,518,968,080	37,587,732,001
<i>Nguyên giá</i>	228		46,109,659,444	46,042,205,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,590,691,364)	(8,454,473,443)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31,250,063,968	31,076,093,700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	31,250,063,968	31,076,093,700
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		70,000,000,000	70,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	70,000,000,000	70,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,060,808,301	4,431,887,525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	8,060,808,301	4,431,887,525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		793,609,162,081	679,574,171,161

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		445,974,550,454	349,878,554,893
I. Nợ ngắn hạn	310		443,111,625,614	346,566,761,454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	106,801,062,790	49,159,248,801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,391,950,453	3,232,503,683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,914,274,881	2,701,098,906
4. Phải trả người lao động	314		10,353,454,629	6,066,122,279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10,633,384,388	6,278,064,933
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	238,103,225	162,064,014
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	305,749,369,416	277,246,180,384
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2,030,025,832	1,721,478,454
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,862,924,840	3,311,793,439
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	291,919,000	299,738,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	2,571,005,840	3,012,055,439
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347,634,611,627	329,695,616,268
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.a	347,634,611,627	329,695,616,268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		318,539,760,000	303,371,200,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	318,539,760,000	303,371,200,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,175,510,997	10,324,226,729
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,169,340,630	16,250,189,539
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10,455,338,106)	(17,457,695,245)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27,624,678,736	33,707,884,784
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		793,609,162,081	679,574,171,161

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị tính: VND)

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Đơn vị tính: VND		
		Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	253,030,805,593	267,175,972,951	809,173,648,739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	10,151,597,879	8,630,763,832	40,388,063,117
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	242,879,207,714	258,545,209,119	768,785,585,622
4. Giá vốn hàng bán	11	213,966,149,405	230,146,827,903	665,195,909,477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	28,913,058,309	28,398,381,216	103,589,676,145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4,933,716,573	728,305,033	21,035,778,714
7. Chi phí tài chính	22	4,907,238,270	4,322,661,284	18,252,694,494
Trong đó: chi phí lãi vay	23	4,794,261,059	4,306,536,901	17,705,280,227
8. Chi phí bán hàng	25	14,590,869,389	14,024,645,964	54,086,028,838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,048,133,337	4,414,170,935	21,358,853,379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9,300,533,886	6,365,208,066	30,927,878,148
11. Thu nhập khác	31	145,762,553	(2,192,720,054)	1,011,771,653
12. Chi phí khác	32	932,188,906	(2,464,924,111)	1,686,840,766
13. Lợi nhuận khác	40	(786,426,353)	272,204,057	(675,069,113)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8,514,107,533	6,637,412,123	30,252,809,035
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	982,641,878	1,354,026,265	2,628,130,299
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.531.465,655	5.283.385,858	27.624.678,736	33.707.884,784
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	7.531.465,655	5.283.385,858	27.624.678,736	33.707.884,784
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập: ngày 28 tháng 01 năm 2021



Chủ tịch HĐQT

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30,252,809,035	37,742,925,180
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8,833,558,855	9,146,357,591
- Các khoản dự phòng	03	12,682,012	24,337,716
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12,370,849,998)	(18,167,937,921)
- Chi phí lãi vay	06	17,705,280,227	15,964,758,001
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44,433,480,131	44,710,440,567
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(21,439,601,197)	(63,403,069,958)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(10,521,690,856)	(397,650,016)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	56,471,235,565	18,296,436,702
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(4,094,455,922)	(3,046,125,715)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17,661,360,185)	(15,821,120,409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2,999,575,882)	(4,200,256,778)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44,188,031,654	(23,861,345,607)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(20,171,337,311)	(10,254,728,946)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	477,000,000	2,841,670,699
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14,096,682,532	26,605,665,533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5,597,654,779)	19,192,607,286

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	từ đầu năm đến cuối	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	565,170,563,675	541,072,670,840
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(537,986,011,107)	(496,378,277,858)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.18	(627,373,135)	(298,211,929)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,967,640,697)	(14,035,422,302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17,589,538,736	30,360,758,751
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	56,179,915,611	25,692,020,430
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	52,192,285,331	26,500,264,901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	108,372,200,942	52,192,285,331

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình

Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà

Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài

Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài

Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài

Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Dại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Số 81, Quốc lộ 1A, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cuor Đăng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|---|--|
| - Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017 | Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| - Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018 | Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận. |
| - Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020 | 18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019 | Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021 | Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước. |
| - Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023 | 93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. |
| - Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025 | Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh. |
| - Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024 | Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |
| - Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026 | Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| - Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028 | Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN. |
| - Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029 | Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. |
| - Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027 | Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu |
| - Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030 | Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam. |
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty có 300 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 299 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

I. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- | | Mục đích |
|-----------------------------|---|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động |

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4,951,663,951	2,564,617,436
Tiền gửi ngân hàng	103,420,536,991	49,627,667,895
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	108,372,200,942	52,192,285,331

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
Cộng				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

+ Công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	70,000,000,000	70,000,000,000
Cộng	70,000,000,000	70,000,000,000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	15,057,493,943	12,798,931,872
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	33,836,571,041	62,472,286,847
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	42,487,859,502	262,700,002
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	45,161,214,506	
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương – DL Quý Sơn Hà	888,395,216	888,395,216
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	10,595,088,410	307,762,796
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	41,908,664,490	719,744,300
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	4,845,675,249
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	7,981,283,647	17,938,339,729
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	10,702,655,930	73,404,291,751
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,676,711,125
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2,712,640,437	3,396,046,257
- Các Khách hàng khác	53,632,288,318	55,672,957,091
Cộng	269,116,444,347	236,206,553,768

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	4,845,675,249
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	15,057,493,943	12,798,931,872
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,676,711,125
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	7,981,283,647	17,938,339,729
Cộng	26,368,354,964	38,259,657,975

4. Các khoản phải thu khác

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu người lao động	1,036,663,894	1,227,865,081
- Ký cược, ký quỹ	117,139,316	133,202,112
- Bảo hiểm xã hội	156,143,129	136,445,609
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4,677,220,551	275,118,271
Cộng	5,987,166,890	1,772,631,073
Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	545,046,684	408,460,684
Cộng	545,046,684	408,460,684
Tổng Cộng	6,532,213,574	2,181,091,757

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Nợ gốc	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,534		822,711,534
Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216		888,395,216
Đồng Nai - Đại Lý Thiên Bảo	7,489,715		4,493,829
An Giang - Nguyễn Hồ Vũ	10,876,000		6,525,600
TCN - Nguyễn Thanh Nhã	15,042,501		9,025,500
Tây Ninh - Đại Lý Quang Vinh	3,611,512		4,292,787
Cộng	1,748,126,478		1,735,444,466

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	596,911,721	9,501,211,075
Nguyên liệu, vật liệu	83,168,306,048	58,704,572,690
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5,570,059,469	13,274,647,355
Thành phẩm	24,309,173,228	28,792,510,529
Hàng hóa	83,720,045,431	76,569,863,392
Cộng	197,364,495,897	186,842,805,041

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
Cộng		

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê kho	509,000,000	462,660,000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	94,008,424	115,885,799
- Chi phí bảo hiểm	245,979,990	702,530,771
- Các khoản khác	964,445,497	66,822,195
Cộng	1,813,433,911	1,347,898,765

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ	543,386,584	447,052,844
- Chi phí sửa chữa	669,947,399	341,509,893
- Chi phí mua bảo hiểm	9,001,740	17,265,192
- Chi phí thuê đất	4,269,840,224	
- Chi phí quảng cáo	340,853,326	2,385,973,330
- Các khoản khác	2,227,779,028	1,240,086,266
Cộng	8,060,808,301	4,431,887,525

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	9,874,242,212				5,779,786,290	
Tổng cộng						
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	31,835,646,904	22,282,536,649	44,636,564,049	343,639,909		99,098,387,511
Tăng trong năm		1,244,083,920	2,688,900,000	12,708,313,636		16,641,297,556
- Mua sắm mới		1,244,083,920	2,688,900,000	12,708,313,636		16,641,297,556
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
Giảm trong năm		158,811,920	3,511,168,000			3,669,979,920
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai						
- Thanh lý, nhượng bán		158,811,920	3,511,168,000			3,669,979,920
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	31,835,646,904	23,367,808,649	43,814,296,049	13,051,953,545		112,069,705,147
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9,880,744,347	16,982,888,640	19,600,466,466	343,639,909		46,807,739,362
Tăng trong năm	1,425,745,488	1,151,219,287	4,349,956,705	215,811,478		7,142,732,958
- Khấu hao trong năm	1,425,745,488	1,151,219,287	4,349,956,705	215,811,478		7,142,732,958
- Mua lại TSCĐ						
Giảm trong năm			1,694,907,816			1,694,907,816
- Thanh lý, nhượng bán			1,694,907,816			1,694,907,816
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	11,306,489,835	18,134,107,927	22,255,515,355	559,451,387		52,255,564,504
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	21,954,902,557	5,299,648,009	25,036,097,583			52,290,648,149
Số cuối kỳ	20,529,157,069	5,233,700,722	21,558,780,694	12,492,502,158		59,814,140,643

10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	3,520,000,000			3,520,000,000
Tăng trong năm		1,734,881,818		1,734,881,818
- Thuê tài chính trong năm		1,734,881,818		1,734,881,818
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	3,520,000,000	1,734,881,818		5,254,881,818

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	209,523,810			209,523,810
Tăng trong năm	502,857,144	51,750,832		554,607,976
- Khấu hao trong năm	502,857,144	51,750,832		554,607,976
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	712,380,954	51,750,832		764,131,786

Giá trị còn lại

Số đầu năm	3,310,476,190			3,310,476,190
Số cuối kỳ	2,807,619,046	1,683,130,986		4,490,750,032

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	45,156,600,444			885,605,000		46,042,205,444
Tăng trong năm				67,454,000		67,454,000
- Mua trong năm				67,454,000		67,454,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	45,156,600,444			953,059,000		46,109,659,444

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	8,006,861,631	447,611,812	8,454,473,443
Tăng trong năm	1,004,770,824	131,447,097	1,136,217,921
- Khấu hao trong năm	1,004,770,824	131,447,097	1,136,217,921
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
Giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			
Số cuối kỳ	9,011,632,455	579,058,909	9,590,691,364

Giá trị còn lại

Số đầu năm	37,149,738,813	437,993,188	37,587,732,001
Số cuối kỳ	36,144,967,989	374,000,091	36,518,968,080

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,072,093,700	-			31,072,093,700
- XDCB dở dang	4,000,000	1,377,354,188	1,203,383,920		177,970,268
	31,076,093,700	1,377,354,188	1,203,383,920		31,250,063,968

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	6,721,278,808	7,152,337,272
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	260,127,137	133,248,000
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2,176,307,780	5,328,617,913
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	7,911,736,059	5,168,685,260
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	86,819,938,211	25,607,498,060
- Các đối tượng khác	2,911,674,795	5,768,862,296
Cộng	106,801,062,790	49,159,248,801

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	86,819,938,211	25,607,498,060
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	260,127,137	133,248,000
Cộng	87,080,065,348	25,740,746,060

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
----------------------------	------------	-----------------------	---------------------	------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế GTGT hàng bán nội địa	766,459,322	8,671,860,872	8,895,730,451	542,589,743
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,354,087,462	2,628,130,298	2,999,575,882	982,641,878
Thuế thu nhập cá nhân	580,552,122	802,703,513	994,212,375	389,043,260
Các loại thuế khác				
Cộng	2,701,098,906	12,102,694,683	12,889,518,708	1,914,274,881

15 Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trích trước thương, hàng khuyến mãi	7,384,785,109	1,919,665,641
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	2,906,961,557	4,050,118,816
- Chi phí lãi vay phải trả	341,637,722	308,280,476
Cộng	10,633,384,388	6,278,064,933

16 Các khoản phải trả khác

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Phải trả về cổ phần hóa		
Tài sản thừa chờ giải quyết	177,199,481	110,804,490
Phải trả, phải nộp khác	60,903,744	51,259,524
Cộng	238,103,225	162,064,014
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	291,919,000	299,738,000
Cộng	291,919,000	299,738,000
Tổng Cộng	530,022,225	461,802,014

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chí quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1,721,478,454	308,547,378				2,030,025,832
Quỹ phúc lợi						
Cộng	1,721,478,454	308,547,378				2,030,025,832

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

18. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	305,749,369,416	305,749,369,416	567,441,546,805	538,938,357,773	277,246,180,384	277,246,180,384
Vay ngắn hạn	303,900,879,920	303,900,879,920	565,182,489,846	535,533,461,910	274,251,851,984	274,251,851,984
- g TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn	144,739,830,334	144,739,830,334	267,821,451,785	247,575,057,482	124,493,436,031	124,493,436,031
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	74,532,263,023	74,532,263,023	167,382,154,594	165,793,301,261	72,943,409,690	72,943,409,690
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	84,628,786,563	84,628,786,563	129,978,883,467	122,165,103,167	76,815,006,263	76,815,006,263
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1,008,192,400	1,008,192,400	1,008,192,000	2,464,475,368	2,464,475,768	2,464,475,768
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	172,800,000	172,800,000	172,800,000	832,800,000	832,800,000	832,800,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	400	400		178,933,368	178,933,768	178,933,768
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGE	835,392,000	835,392,000	835,392,000	1,452,742,000	1,452,742,000	1,452,742,000
Nợ thuê tài chính	840,297,096	840,297,096	1,250,864,959	940,420,495	529,852,632	529,852,632
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm) Hà Nội	560,828,628	560,828,628	971,396,491	940,420,495	529,852,632	529,852,632
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm) TP HCM	279,468,468	279,468,468	279,468,468	-	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2,571,005,840	2,571,005,840	2,445,380,495	2,886,430,094	3,012,055,439	3,012,055,439
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	237,688,000	237,688,000	-	1,008,192,000	1,245,880,000	1,245,880,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	28,800,000	28,800,000		172,800,000	201,600,000	201,600,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	-	-			-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	208,888,000	208,888,000		835,392,000	1,044,280,000	1,044,280,000
Nợ thuê tài chính (7)	2,333,317,840	2,333,317,840	2,445,380,495	1,878,238,094	1,766,175,439	1,766,175,439
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	2,333,317,840	2,333,317,840	2,445,380,495	1,878,238,094	1,766,175,439	1,766,175,439
+ Công ty Thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1,308,600,146	1,308,600,146	1,056,580,495	1,514,155,788	1,766,175,439	1,766,175,439
+ Công ty Thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM	1,024,717,694	1,024,717,694	1,388,800,000	364,082,306	-	-
Tổng cộng	308,320,375,256	308,320,375,256	569,886,927,300	541,824,787,867	280,258,235,823	280,258,235,823

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19 Vốn chủ sở hữu

19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	275,792,000,000	8,175,955,129	(250,000,000)	26,693,421,622	310,411,376,751
Lãi trong năm trước				33,707,884,784	33,707,884,784
Phân phối lợi nhuận trong năm	27,579,200,000	2,148,271,600		(44,151,116,867)	(14,423,645,267)
Trích các quỹ trong năm		2,148,271,600		(2,148,271,600)	
Chia cổ tức, lợi nhuận				(13,789,600,000)	(13,789,600,000)
Chia Cổ tức bằng cổ phiếu	27,579,200,000			(27,579,200,000)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(358,045,267)	(358,045,267)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2015				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối năm trước	303,371,200,000	10,324,226,729	(250,000,000)	16,250,189,539	329,695,616,268
Số đầu năm Nay	303,371,200,000	10,324,226,729	(250,000,000)	16,250,189,539	329,695,616,268
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				27,624,678,736	27,624,678,736
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	15,168,560,000	1,851,284,268		(26,705,527,646)	(9,685,683,378)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển 2019 (4%)		1,234,189,512		(1,234,189,512)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(308,547,378)	(308,547,378)
+ Chia cổ tức 2019 (3%)				(9,101,136,000)	(9,101,136,000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2019				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Quỹ dự phòng tài chính		617,094,756		(617,094,756)	
+ Chia Cổ tức bằng cổ phiếu	15,168,560,000			(15,168,560,000)	
Số dư cuối kỳ	318,539,760,000	12,175,510,997	(250,000,000)	17,169,340,630	347,634,611,627

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31,853,976	30,337,120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu phổ thông	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu phổ thông	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	253,030,805,593	267,175,972,951
- Doanh thu bán hàng hóa	191,024,602,101	190,571,140,004
- Doanh thu bán thành phẩm	62,006,203,492	76,380,092,947
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Chiết khấu thương mại	10,151,597,879	8,630,763,832
- Giảm giá hàng bán	7,683,591,648	6,413,593,809
- Hàng bán bị trả lại	2,468,006,231	2,217,170,023
Doanh thu thuần	242,879,207,714	258,545,209,119
2 Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	167,860,923,710	202,337,161,360
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	46,105,225,695	27,809,121,088
Cộng	213,966,149,405	230,146,827,903
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	(33,127,678)	13,418,433
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,000,000,000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	966,844,251	714,886,600
Cộng	4,933,716,573	728,305,033
4 Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	4,794,261,059	4,306,536,901
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112,977,211	16,124,383
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
Cộng	4,907,238,270	4,322,661,284
5 Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	9,240,340,981	7,675,912,480
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	455,019,915	486,764,739
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,328,795,918	1,286,199,712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,736,663,482	1,861,420,138
Chi phí khác	1,830,049,093	2,714,348,895
Cộng	14,590,869,389	14,024,645,964

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1,625,270,191	1,373,892,320
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138,981,235	22,799,534
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,745,035,635	1,951,020,997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	955,113,637	759,352,624
Chi phí khác	583,732,639	307,105,460
Cộng	<u>5,048,133,337</u>	<u>4,414,170,935</u>

7 Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập cho thuê tài sản	23,850,000	39,860,970
Thu nhập thanh lý tài sản		
Thu nhập khác	121,912,553	(2,232,581,024)
Cộng	<u>145,762,553</u>	<u>(2,192,720,054)</u>

8 Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		
Chi phí thanh lý tài sản		
Chi phí khác	932,188,906	(2,464,924,111)
Cộng	<u>932,188,906</u>	<u>(2,464,924,111)</u>

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Cùng Chủ Tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	Cùng Chủ Tịch HĐQT
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư LGC Việt Nam	Cùng Chủ Tịch HĐQT

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Thanh toán tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	68,505,755,619	55,544,347,800
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	5,271,269,700	4,021,031,732
- Góp vốn bằng tài sản cố định		
- Điều chuyển lợi nhuận về	4,000,000,000	8,500,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà		
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	0	
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	45,444,484,700	69,094,443,395
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	946,110,000	16,819,214,307
- Bán tài sản	0	
- Cho thuê Tài Sản	23,850,000	90,800,000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư LGC Việt Nam		
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	0	
- Mua tài sản, CCDC	13,823,509,090	

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà